



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT

ngày 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436

ngày 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 21 tháng 4 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Tân
Ông Phạm Xuân Trình
Ông Nguyễn Văn Miêng
Ông Nguyễn Xuân Vũ
Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Bà Nguyễn Thị Khánh
Ông Vũ Ngọc Tuấn
Ông Nguyễn Ngọc Bình

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ ngày 25/4/2022)
Thành viên (đến ngày 25/4/2022)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Miêng
Ông Nguyễn Xuân Vũ
Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Bà Nguyễn Thị Khánh
Ông Vũ Ngọc Tuấn
Bà Bùi Minh Hạnh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Điều hành

Trụ sở đăng ký

43 Tô Hiệu
Phường Ngô Quyền
Thành phố Nam Định
Tỉnh Nam Định
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 59 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Nam Định, 29-08-2022



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2022, được trình bày từ trang 6 đến trang 59.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Trích lập quỹ lương dự phòng

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 trong số dự phải trả người lao động và dự phòng phải trả ngắn hạn có 22 tỷ VND là khoản Tổng Công ty và các công ty con trích dự phòng tiền lương trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để trả cho nhân viên cho kỳ sau. Việc ghi nhận dự phòng tiền lương này trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng Công ty và các công ty con là chưa phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng, do Tổng Công ty và các công ty con chưa phát sinh nghĩa vụ nợ hiện tại với người lao động tại thời điểm báo cáo. Vì vậy, tại ngày 1 tháng 1 năm 2022, trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, phải trả người lao động đang bị ghi nhận thừa 15 tỷ VND, dự phòng phải trả ngắn hạn đang bị ghi nhận thừa 7 tỷ VND, phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp bị ghi nhận thiếu 4,4 tỷ VND và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đang bị ghi nhận thiếu 17,6 tỷ VND. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tổng Công ty và các công ty con đã thực hiện hoàn nhập 19 tỷ VND trong tổng số 22 tỷ VND khoản dự phòng tiền lương trên vào chi phí quản lý doanh nghiệp thay vì điều chỉnh vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 – Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót (“VAS 29”).

Nếu Tổng Công ty và các công ty con đã thực hiện điều chỉnh hoàn nhập trích lập dự phòng này một cách phù hợp theo quy định của VAS 29, thì:

- Phải trả người lao động và dự phòng phải trả ngắn hạn tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 sẽ giảm 22 tỷ VND;
- Dự phòng phải trả ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 sẽ giảm 3 tỷ VND;
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 sẽ tăng lần lượt là 0,6 tỷ VND và 4,4 tỷ VND;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 sẽ tăng lần lượt là 2,4 tỷ VND và 17,6 tỷ VND;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 sẽ tăng 19 tỷ VND;
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 sẽ giảm 3,8 tỷ VND; và
- Lợi nhuận sau thuế cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 sẽ giảm 15,2 tỷ VND.



Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết - Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định

Tổng Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định, một công ty liên kết của Tổng Công ty, theo phương pháp vốn chủ sở hữu với giá trị ghi sổ là 29.473 triệu VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (1/1/2022: 20.454 triệu VND). Đồng thời, cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tổng Công ty cũng ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phần lãi trong công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết này là 9.019 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021: 9.285 triệu VND). Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và 30 tháng 6 năm 2022, chúng tôi không được tiếp cận với sổ sách và chứng từ kế toán của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định, do vậy chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục soát xét cần thiết đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc các kỳ kế toán trên. Vấn đề này khiến chúng tôi đưa ra kết luận soát xét ngoại trừ về báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Tổng Công ty. Chúng tôi cũng đưa ra kết luận soát xét ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ hiện tại do chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với:

- khoản mục đầu tư vào công ty liên kết và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022;
- phần lãi trong công ty liên kết, lợi nhuận sau thuế TNDN và lãi cơ bản trên cổ phiếu trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và các thông tin so sánh có liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Kết luận soát xét ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trong phần Cơ sở của kết luận ngoại trừ, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 22-02-00160-22-2



Wang Ton Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2022

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3064-2019-007-1



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		589.943.335.218	510.829.099.932
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	17.948.072.075	45.642.476.829
Tiền	111		16.858.246.887	40.501.731.196
Các khoản tương đương tiền	112		1.089.825.188	5.140.745.633
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21.300.000.000	16.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(a)	21.300.000.000	16.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		196.500.808.523	202.503.106.420
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	198.504.658.628	201.657.857.172
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.646.784.664	6.241.666.004
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12	1.500.000.000	3.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	13(a)	5.218.089.862	4.043.281.519
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	14	(12.368.724.631)	(12.439.698.275)
Hàng tồn kho	140	15	347.402.906.048	241.208.440.359
Hàng tồn kho	141		347.969.067.761	241.808.096.656
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(566.161.713)	(599.656.297)
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.791.548.572	4.975.076.324
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	20(a)	659.698.039	3.020.035.558
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.887.165.700	1.921.891.104
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	23(a)	244.684.833	33.149.662

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		664.146.451.817	673.096.267.531
Các khoản phải thu dài hạn	210		598.872.604	695.980.960
Phải thu dài hạn khác	216	13(b)	3.798.872.604	3.895.980.960
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	14	(3.200.000.000)	(3.200.000.000)
Tài sản cố định	220		564.804.615.864	590.500.072.400
Tài sản cố định hữu hình	221	16	558.488.564.759	582.863.594.233
<i>Nguyên giá</i>	222		1.215.902.243.611	1.219.183.782.453
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(657.413.678.852)	(636.320.188.220)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	17	6.095.551.105	7.384.478.167
<i>Nguyên giá</i>	225		14.580.151.169	14.580.151.169
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(8.484.600.064)	(7.195.673.002)
Tài sản cố định vô hình	227		220.500.000	252.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		660.000.000	660.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(439.500.000)	(408.000.000)
Bất động sản đầu tư	230	18	6.910.079.864	7.294.026.578
<i>Nguyên giá</i>	231		17.955.138.931	17.955.138.931
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(11.045.059.067)	(10.661.112.353)
Tài sản dở dang dài hạn	240		23.822.588.328	18.480.307.484
Xây dựng cơ bản dở dang	242	19	23.822.588.328	18.480.307.484
Đầu tư tài chính dài hạn	250		59.196.201.666	48.492.185.374
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	10(b)	53.447.646.666	42.743.630.374
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	10(b)	1.348.555.000	1.348.555.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	254	10(a)	4.400.000.000	4.400.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		8.814.093.491	7.633.694.735
Chi phí trả trước dài hạn	261	20(b)	8.648.529.684	7.404.782.896
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	21	165.563.807	228.911.839
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.254.089.787.035	1.183.925.367.463

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		919.339.340.574	896.724.323.057
Nợ ngắn hạn	310		575.396.075.894	527.573.518.595
Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	140.878.583.549	186.567.747.875
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.184.385.709	7.187.674.678
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	23(b)	6.894.432.020	2.839.136.194
Phải trả người lao động	314		26.091.949.973	40.779.451.985
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	24	2.143.630.535	2.740.302.117
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	25	611.195.552	1.140.957.074
Phải trả ngắn hạn khác	319	26(a)	11.364.241.326	1.901.377.471
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	27(a)	376.994.125.767	276.488.857.817
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3.000.000.000	6.718.077.194
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	28	1.233.531.463	1.209.936.190
Nợ dài hạn	330		343.943.264.680	369.150.804.462
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	25	9.723.602.417	9.723.602.417
Phải trả dài hạn khác	337	26(b)	3.831.923.822	3.831.923.822
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	27(b)	330.387.738.441	355.595.278.223
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		334.750.446.461	287.201.044.406
Vốn chủ sở hữu	410	29	334.750.446.461	287.201.044.406
Vốn cổ phần	411	30	136.000.000.000	136.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		136.000.000.000	136.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(12.175.488)	(12.175.488)
Quỹ đầu tư phát triển	418	32	96.271.412.711	68.047.855.709
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		89.968.045.170	70.169.960.203
- Lợi nhuận/(lỗ) lũy kế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		32.910.989.054	(12.563.751.288)
- LNST kỳ này/năm nay	421b		57.057.056.116	82.733.711.491
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		12.523.164.068	12.995.403.982
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.254.089.787.035	1.183.925.367.463

29 -08- 2022

Người lập:



Trần Phương Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thị Kim Oanh
Phụ trách kế toán



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	34	642.645.537.484	630.521.450.901
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	35	549.285.706.031	552.500.752.428
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		93.359.831.453	78.020.698.473
Doanh thu hoạt động tài chính	21	36	12.347.384.968	10.261.764.355
Chi phí tài chính	22	37	27.232.072.308	24.237.443.515
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.773.113.833	20.762.650.614
Phần lãi trong công ty liên kết	24	10(b)	10.704.016.292	10.155.897.349
Chi phí bán hàng	25	38	10.877.346.816	8.008.999.081
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	39	10.120.917.084	17.241.119.340
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		68.180.896.505	48.950.798.241
Thu nhập khác	31		454.759.514	373.712.488
Chi phí khác	32		968.933.863	37.352.998
(Lỗ)/ lãi khác (40 = 31 - 32)	40		(514.174.349)	336.359.490
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		67.666.722.156	49.287.157.731
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	41	10.060.624.795	6.779.548.726
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	41	63.348.032	(278.302.880)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		57.542.749.329	42.785.911.885

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		57.542.749.329	42.785.911.885
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		57.057.056.116	42.370.700.265
Cổ đông không kiểm soát	62		485.693.213	415.211.620
Lãi trên cổ phiếu				Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	42	4.195	2.709

29-08-2022

Người lập:

Trần Phương Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Thị Kim Oanh
Phụ trách kế toán



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		67.666.722.156	49.287.157.731
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		33.216.055.701	33.520.161.860
Các khoản dự phòng	03		(3.822.545.422)	1.312.446.622
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.578.091.993	(1.324.751.053)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(10.690.604.161)	(10.869.364.927)
Chi phí lãi vay	06		13.773.113.833	20.762.650.614
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		101.720.834.100	92.688.300.847
Biến động các khoản phải thu	09		(2.311.088.790)	(18.898.134.786)
Biến động hàng tồn kho	10		(106.160.971.105)	(11.954.677.554)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(63.347.006.485)	88.059.845.125
Biến động chi phí trả trước	12		1.080.324.433	(1.103.602.690)
			(69.017.907.847)	148.791.730.942
Tiền lãi vay đã trả	14		(12.671.832.932)	(22.399.363.330)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	23	(5.083.356.068)	(235.933.871)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	28	(2.315.937.001)	(743.940.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(89.089.033.848)	125.412.493.741
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(9.039.677.572)	(9.584.352.463)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		154.629.630	159.765.000
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(4.800.000.000)	(1.900.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và rút tiền gửi có kỳ hạn	24		1.500.000.000	2.500.000.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		301.305.312	4.890.920.928
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.883.742.630)	(3.933.666.535)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		585.997.637.320	443.974.083.900
Tiền trả nợ gốc vay	34		(511.126.021.691)	(559.503.294.894)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.058.767.750)	(937.387.597)
Tiền trả cổ tức	36		(839.905.500)	(423.787.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		72.972.942.379	(116.890.386.291)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(27.999.834.099)	4.588.440.915
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		45.642.476.829	19.298.315.675
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		305.429.345	399.615.526
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	9	17.948.072.075	24.286.372.116

29 -08- 2022

Người lập:

Trần Phương Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Thị Kim Oanh
Phụ trách kế toán



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là:

- Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: in, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co;
- Sản xuất hàng may sẵn, quần áo các loại;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác: khăn bông; các sản phẩm dệt, may khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Buôn bán chuyên doanh khác: mua bán sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng máy móc thiết bị ngành sợi, dệt may;
- Buôn bán tổng hợp: mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân;
- Dịch vụ ăn uống khác: dịch vụ cơm ca công nhân;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành sợi, dệt, may, xây dựng và đồ dùng hữu hình khác;
- Dạy nghề: sợi, dệt, may (ngắn hạn);
- Xây dựng nhà các loại, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản: dịch vụ cho thuê ki ốt; văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô;
- Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao; và
- Kinh doanh máy tính và thiết bị văn phòng, phần mềm máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy tính và thiết bị văn phòng khác bao gồm dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và làm đại lý bưu chính viễn thông.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con là nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tổng Công ty có các công ty con và các công ty liên kết sau:

STT	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết		
		30/6/2022	1/1/2022	
Công ty con				
1	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định	Sản xuất và mua bán bông, sợi, vải, sợi, quần áo, vật tư và nguyên phụ liệu ngành dệt may.	52,52%	52,52%
2	Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	Sản xuất, mua bán chăn, vải, sợi, len, sản phẩm từ sợi len và quần áo may sẵn.	100%	100%
3	Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh các loại khăn, quần áo, vải và sợi.	62,58%	62,58%
4	Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	53,46%	53,46%
Công ty liên kết				
1	Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	36,00%	36,00%
2	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu hoặc đi thuê.	36,92%	36,92%
3	Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	36,00%	36,00%
4	Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	Sản xuất sợi, vải dệt thoi, vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác.	45,97%	45,97%

Các công ty con và các công ty liên kết đều được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tổng Công ty và các công ty con có 1.612 nhân viên (1/1/2022: 1.626 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty và công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty.

Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tổng Công ty dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty và các công ty con có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 6 – 50 năm |
| ▪ thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 – 8 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 5 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 6 – 50 năm |
|--------------------------|------------|

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian trả trước của hợp đồng thuê đất.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí thuê máy móc và thiết bị

Chi phí thuê máy móc và thiết bị gồm tiền thuê máy móc trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng máy móc thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê máy móc và thiết bị.

(iv) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại trước ngày 1 tháng 1 năm 2021 được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty và các công ty con, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tổng Công ty và các công ty con sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Trong kỳ, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tổng Công ty được lập theo lĩnh vực kinh doanh và mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của Tổng Công ty được lập theo khu vực địa lý.

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ trên vị trí của khách hàng. Ban Giám đốc đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và các công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty và công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Báo cáo bộ phận****(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tổng Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh như sau:

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Vải Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Kinh doanh bất động sản Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Loại trừ nội bộ Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	38.900.478	465.972.062	106.246.919	1.888.491	29.637.587	-	642.645.537
Doanh thu giữa các bộ phận	-	10.200.807	351.184	16.364	13.453.919	(24.022.274)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	38.900.478	476.172.869	106.598.103	1.904.855	43.091.506	(24.022.274)	642.645.537
Kết quả kinh doanh của bộ phận	2.079.537	70.270.226	12.554.094	1.246.703	7.209.271	-	93.359.831
Chi phí không phân bổ							(20.998.264)
Doanh thu tài chính							12.347.385
Chi phí tài chính							(27.232.072)
Phần lãi trong công ty liên kết	-	-	-	9.018.310	1.685.706	-	10.704.016
Kết quả hoạt động khác							(514.174)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp							(10.123.973)
Lợi nhuận thuần sau thuế							57.542.749

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Vải Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Kinh doanh bất động sản Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Loại trừ nội bộ Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	41.470.912	462.559.148	90.168.288	1.897.459	34.425.644	-	630.521.451
Doanh thu giữa các bộ phận	-	7.865.969	16.320.871	13.636	14.824.780	(39.025.256)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	41.470.912	470.425.117	106.489.159	1.911.095	49.250.424	(39.025.256)	630.521.451
Kết quả kinh doanh của bộ phận	2.364.099	56.118.036	12.977.403	1.203.317	5.357.843	-	78.020.698
Chi phí không phân bổ							(25.250.118)
Doanh thu tài chính							10.261.765
Chi phí tài chính							(24.237.444)
Phần lãi trong công ty liên kết	-	-	-	9.285.377	870.521	-	10.155.898
Kết quả hoạt động khác							336.359
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp							(6.501.246)
Lợi nhuận thuần sau thuế							42.785.912

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	Vải Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Kinh doanh bất động sản Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Tài sản của bộ phận	32.880.001	383.689.172	85.894.305	-	34.722.147	537.185.625
Khoản đầu tư vào công ty liên kết				29.472.806		53.447.647
Tài sản không phân bổ						663.456.515
Tổng tài sản						1.254.089.787
Tổng nợ phải trả						919.339.341
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	Vải Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Kinh doanh bất động sản Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Tài sản của bộ phận	36.576.755	284.130.256	88.154.486	-	27.806.768	436.668.265
Khoản đầu tư vào công ty liên kết				20.454.496		42.743.630
Tài sản không phân bổ						704.513.472
Tổng tài sản						1.183.925.367
Tổng nợ phải trả						896.724.323

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Vải Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Kinh doanh bất động sản Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Chi tiêu vốn của bộ phận	512.757	5.832.320	1.170.236	-	1.117.834	8.633.147
Chi tiêu vốn không phân bổ						406.531
Khấu hao tài sản cố định	1.798.601	20.458.064	4.104.843	420.213	3.921.034	30.702.755
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ						2.513.301
<hr/>						
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Vải Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Bất động sản Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Chi tiêu vốn của bộ phận	441.981	5.013.608	1.134.920	-	545.260	7.135.769
Chi tiêu vốn không phân bổ						2.448.583
Khấu hao tài sản cố định	1.892.573	21.468.396	4.859.756	432.375	2.334.815	30.987.915
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ						2.532.247
<hr/>						

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Việt Nam;
- Trung Quốc; và
- Các vùng địa lý khác

	Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022				
Doanh thu thuần của bộ phận	274.647.570	302.837.596	65.160.371	642.645.537
Tài sản của bộ phận				1.254.089.787
- Tài sản của bộ phận phân bổ	87.314.071	66.000.991	48.836.381	202.151.443
- Giá trị còn lại tài sản không phân bổ				1.051.938.344
Chi tiêu vốn				9.039.678

	Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021				
Doanh thu thuần của bộ phận	269.466.097	297.124.292	63.931.062	630.521.451
Tài sản của bộ phận				1.145.884.950
- Tài sản của bộ phận phân bổ	192.434.413	32.500.484	5.951.061	230.885.958
- Giá trị còn lại tài sản không phân bổ				914.998.992
Chi tiêu vốn				9.584.352

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền mặt	1.476.166.053	1.104.727.453
Tiền gửi ngân hàng	15.382.080.834	39.397.003.743
Các khoản tương đương tiền	1.089.825.188	5.140.745.633
	<hr/>	<hr/>
	17.948.072.075	45.642.476.829
	<hr/>	<hr/>

10. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	21.300.000.000	21.300.000.000	16.500.000.000	16.500.000.000
	<hr/>			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Trái phiếu (ii)	4.400.000.000	(*)	4.400.000.000	(*)
	<hr/>			

- (i) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,8% đến 6,4%/năm (1/1/2022: từ 4,8% đến 6,4%/năm).
- (ii) Các khoản trái phiếu do ngân hàng phát hành, có kỳ hạn 10 năm, đáo hạn vào các năm 2028 và 2029 và hưởng lãi suất từ 6,8% đến 7,2%/năm (1/1/2022: từ 6,8% đến 7,2%/năm).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết và đơn vị khác

	30/6/2022				1/1/2022			
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết								
• Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	36,00%	36,00%	4.865.931.827	(*)	36,00%	36,00%	4.448.866.423	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	36,92%	36,92%	29.472.806.400	(*)	36,92%	36,92%	20.454.496.413	(*)
• Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	36,00%	36,00%	2.790.394.892	(*)	36,00%	36,00%	2.320.708.843	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	45,97%	45,97%	16.318.513.547	(*)	45,97%	45,97%	15.519.558.695	(*)
			53.447.646.666				42.743.630.374	

	30/6/2022				1/1/2022			
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Đơn vị khác								
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	0,002%	0,002%	1.348.555.000	2.169.482.450	0,002%	0,002%	1.348.555.000	2.812.445.700

(*) Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	42.743.630.374	37.727.501.838
Phần lãi trong các công ty liên kết	10.704.016.292	10.155.897.349
Cổ tức nhận được	-	(5.750.000.000)
Số dư cuối kỳ	53.447.646.666	42.133.399.187

11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Bên liên quan		
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	92.790.741.181	103.442.463.756
Công ty Cổ phần May I Dệt Nam Định	109.824.780	48.481.573
Bên khác		
Texglobal Pte., Ltd.	14.816.941.762	-
Arkay Knit Dyeing Mills Ltd.	10.903.572.000	-
Công ty TNHH Dệt May Phú Cường	6.293.073.735	3.157.017.578
Xiamen ITG Group Corp., Ltd	-	8.983.499.940
China Ctexic Corporation	-	7.413.155.856
Các khách hàng khác	73.590.505.170	78.613.238.469
	198.504.658.628	201.657.857.172

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên kết không có đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và được tính lãi chậm nộp với lãi suất là 6,5%/năm (1/1/2022: 6,5%/năm) khi quá hạn mà các công ty liên kết này chưa thanh toán.

12. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Phải thu về cho vay ngắn hạn phản ánh các khoản cho vay cấp cho Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định, một công ty liên kết. Các khoản cho vay này không được đảm bảo và hưởng lãi suất tương đương với lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm cho vay là 6,5%/năm (1/1/2022: 6,5%/năm).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Phải thu Kho bạc Nhà nước (*)	2.448.642.181	2.448.642.181
Phải thu tiền lãi cho vay từ các công ty liên kết	8.750.000	-
Ký cược, ký quỹ	420.868.000	428.132.830
Phải thu các công ty liên kết về tiền đất cho thuê	1.437.851.123	-
Tạm ứng	60.045.979	53.000.000
Phải thu khác	841.932.579	1.113.506.508
	5.218.089.862	4.043.281.519

(*) Khoản phải thu từ Kho bạc Nhà nước là tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước liên quan đến hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty. Khoản tiền này bị hạn chế sử dụng do Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ pháp lý theo yêu cầu của Kho bạc Tỉnh Nam Định. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, toàn bộ khoản phải thu từ Kho bạc Nhà nước đã được trích lập dự phòng do Ban Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khoản phải thu này không có khả năng thu hồi.

Trong các khoản phải thu ngắn hạn khác có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	141.640.414	-
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	1.304.960.709	-
	1.446.601.123	-

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Phải thu về thanh lý tài sản cố định (i)	3.200.000.000	3.200.000.000
Phải thu dài hạn khác	598.872.604	695.980.960
	3.798.872.604	3.895.980.960

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Kinh Bắc Thành Nam liên quan đến việc bán Nhà máy may Bình Minh từ năm 2016. Do vướng mắc trong các thủ tục hành chính liên quan đến việc chuyển nhượng cho đối tác, cho đến nay Tổng Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản phải thu nói trên. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, toàn bộ khoản phải thu này đã được trích dự phòng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Dự phòng phải thu khó đòi

	Thời gian quá hạn	30/6/2022			1/1/2022			
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Thành Vin	Trên 3 năm	5.014.999.999	(5.014.999.999)	-	Từ 2 năm đến 3 năm	5.074.999.999	(5.074.999.999)	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-
Các đối tượng khác	-	2.448.642.181	(2.448.642.181)	-	-	2.448.642.181	(2.448.642.181)	-
Các đối tượng khác	Từ 6 tháng đến 1 năm	120.518.640	(40.369.868)	80.148.772	Từ 6 tháng đến 1 năm	366.272.674	(109.881.802)	256.390.872
Các đối tượng khác	Từ 1 năm đến 2 năm	559.789.728	(279.894.864)	279.894.864	Từ 1 năm đến 2 năm	562.713.148	(281.356.574)	281.356.574
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	4.901.758.354	(4.901.758.354)	-	Trên 3 năm	4.841.758.354	(4.841.758.354)	-
		<u>15.928.768.267</u>	<u>(15.568.724.631)</u>	<u>360.043.636</u>		<u>16.177.445.721</u>	<u>(15.639.698.275)</u>	<u>537.747.446</u>
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			(12.368.724.631)				(12.439.698.275)	
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			(3.200.000.000)				(3.200.000.000)	
			<u>(15.568.724.631)</u>				<u>(15.639.698.275)</u>	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Hàng tồn kho

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	57.702.737.045	-	59.231.785.818	-
Nguyên vật liệu	95.547.896.492	-	120.483.741.652	-
Công cụ và dụng cụ	110.371.669	-	181.724.245	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.104.893.977	-	19.363.832.186	-
Thành phẩm	143.971.039.527	(501.082.333)	34.246.117.749	(534.576.917)
Hàng hóa	28.532.129.051	(65.079.380)	2.619.502.938	(65.079.380)
Hàng gửi đi bán	-	-	5.681.392.068	-
	347.969.067.761	(566.161.713)	241.808.096.656	(599.656.297)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	318.631.385.093	842.458.459.940	55.136.342.159	2.957.595.261	1.219.183.782.453
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 19)	2.407.371.291	4.764.581.187	406.530.748	-	7.578.483.226
Thanh lý	(422.670.405)	(10.437.351.663)	-	-	(10.860.022.068)
Số dư cuối kỳ	320.616.085.979	836.785.689.464	55.542.872.907	2.957.595.261	1.215.902.243.611
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	108.148.653.488	498.850.171.886	27.348.869.940	1.972.492.906	636.320.188.220
Khấu hao trong kỳ	8.193.457.446	20.800.157.126	2.410.406.073	71.394.982	31.475.415.627
Thanh lý	(195.005.148)	(10.186.919.847)	-	-	(10.381.924.995)
Số dư cuối kỳ	116.147.105.786	509.463.409.165	29.759.276.013	2.043.887.888	657.413.678.852
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	210.482.731.605	343.608.288.054	27.787.472.219	985.102.355	582.863.594.233
Số dư cuối kỳ	204.468.980.193	327.322.280.299	25.783.596.894	913.707.373	558.488.564.759

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 211.136 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2022: 206.242 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 479.288 triệu VND (1/1/2022: 491.735 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 27).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	14.580.151.169
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	7.195.673.002
Khấu hao trong kỳ	1.288.927.062
Số dư cuối kỳ	8.484.600.064
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	7.384.478.167
Số dư cuối kỳ	6.095.551.105

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, tài sản cố định hữu hình thuê tài chính với giá trị còn lại là 6.096 triệu VND (1/1/2022: 7.384 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản nợ thuê tài chính của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 27(b)(ii)).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	17.955.138.931
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	10.661.112.353
Khấu hao trong kỳ	383.946.714
Số dư cuối kỳ	11.045.059.067
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	7.294.026.578
Số dư cuối kỳ	6.910.079.864

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

- Văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- Ki-ốt cho thuê tại Số 43 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam; và
- Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty và các công ty con không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	18.480.307.484	18.461.496.771
Tăng trong kỳ	13.636.592.891	11.497.906.709
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(7.578.483.226)	(9.808.567.712)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(715.828.821)	(1.871.511.050)
Số dư cuối kỳ	23.822.588.328	18.279.324.718

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
San nền và giải phóng mặt bằng ở Khu Công nghiệp Hòa Xá	12.944.252.512	12.944.252.512
Dự án Nhà máy May Yên Bình	5.013.367.135	5.013.367.135
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	1.844.551.593	114.506.019
Các công trình khác	4.020.417.088	408.181.818
	23.822.588.328	18.480.307.484

20. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Công cụ và dụng cụ	178.256.096	124.298.425
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	481.441.943	2.895.737.133
	659.698.039	3.020.035.558

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê máy móc và thiết bị VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	1.858.190.855	4.971.398.329	210.045.744	365.147.968	7.404.782.896
Tăng trong kỳ	-	2.992.333.554	-	-	2.992.333.554
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 19)	-	715.828.821	-	-	715.828.821
Phân bổ trong kỳ	(36.266.298)	(2.262.754.293)	(81.429.932)	(83.965.064)	(2.464.415.587)
Số dư cuối kỳ	1.821.924.557	6.416.806.411	128.615.812	281.182.904	8.648.529.684

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản cố định	20%	94.236.350	93.636.298
Các khoản mục khác	20%	71.327.457	135.275.541
		<hr/>	<hr/>
		165.563.807	228.911.839
		<hr/>	<hr/>

22. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định (công ty liên kết)	156.384.429	213.973.100
Bên khác		
Ecom USA LLC	40.694.545.566	14.063.622.108
Harris Cotton Pty Limited	27.385.581.600	-
Devcot S.A	19.691.313.710	10.862.653.682
Louis Dreyfus Company Suisse SA	13.527.256.065	16.012.073.130
Olam International Ltd	-	27.286.383.189
Afcom Trading DMCC	-	22.270.931.250
Viterra B.V.	-	23.567.057.313
Ecom Commodities Pty Ltd	-	15.631.727.990
Henan Tongzhou Cotton Industry Co., Ltd	-	14.825.114.579
Các nhà cung cấp khác	39.423.502.179	41.834.211.534
	<hr/>	<hr/>
	140.878.583.549	186.567.747.875
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong thời gian từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã thu/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2022 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.587.262	26.368.131	(17.233.041)	37.722.352
Thuế đất	-	202.400.081	-	202.400.081
Các loại thuế khác	4.562.400	-	-	4.562.400
	33.149.662	228.768.212	(17.233.041)	244.684.833

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	1.189.544.785	30.497.251.865	(31.463.625.853)	223.170.797
Thuế nhập khẩu	-	293.377.760	(293.377.760)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.630.372.381	10.060.624.795	(5.083.356.068)	6.607.641.108
Thuế thu nhập cá nhân	8.093.095	166.494.579	(149.797.464)	24.790.210
Thuế tài nguyên	11.125.933	73.038.509	(70.040.920)	14.123.522
Tiền thuê đất	-	4.006.574.533	(3.981.868.150)	24.706.383
Các loại thuế khác	-	34.608.800	(34.608.800)	-
	2.839.136.194	45.131.970.841	(41.076.675.015)	6.894.432.020

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.023.380.000	1.105.384.169
Chi phí điện, nước phải trả	811.830.753	1.126.826.847
Chi phí khác	308.419.782	508.091.101
	<hr/>	<hr/>
	2.143.630.535	2.740.302.117
	<hr/>	<hr/>

25. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn là doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư.

26. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	1.789.590.107	595.863.435
Cổ tức phải trả	7.700.215.750	886.306.250
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Dệt May Việt Nam	1.372.896.065	189.610.995
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	501.539.404	229.596.791
	<hr/>	<hr/>
	11.364.241.326	1.901.377.471
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty (*)	3.712.500.000	3.712.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	119.423.822	119.423.822
	<hr/>	<hr/>
	3.831.923.822	3.831.923.822
	<hr/>	<hr/>

(*) Đây là số tiền ứng trước từ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định (công ty liên kết) cho mục đích đền bù tài sản trên đất và hỗ trợ di dời của Dự án di dời Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Vay và nợ thuê tài chính****(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	1/1/2022	Biến động trong kỳ		Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	30/6/2022
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	261.725.146.708	585.997.637.320	(481.461.379.173)	590.240.550	366.851.645.405
Vay dài hạn đến hạn trả	12.634.645.717	4.035.382.091	(8.676.634.154)	-	7.993.393.654
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong 12 tháng	2.129.065.392	1.078.789.066	(1.058.767.750)	-	2.149.086.708
	276.488.857.817	591.111.808.477	(491.196.781.077)	590.240.550	376.994.125.767

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Bên khác				
Vay ngân hàng 1	USD	3,3% - 4,1%	170.568.678.177	75.767.548.731
Vay ngân hàng 2	VND	6,5% - 7,0%	11.452.931.767	10.153.159.973
Vay ngân hàng 3	USD	4,4%	-	15.177.228.596
Vay ngân hàng 4	VND	6%-6,4%	11.256.252.799	44.936.382.390
Vay ngân hàng 5	VND	6,5% - 7,5%	19.790.318.921	340.167.364
Vay ngân hàng 6	USD	3,4%	57.649.635.663	-
Vay ngân hàng 7	USD	3,8% - 4%	16.592.364.543	54.609.565.783
Vay ngân hàng 8	USD	2,88%	64.440.301.181	45.349.137.660
Vay cá nhân	VND	2,4% - 7,0%	15.101.162.354	15.391.956.211
			366.851.645.405	261.725.146.708

Khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty và các công ty con với giá trị còn lại là 87.460 triệu VND (1/1/2022: 66.127 triệu VND).

Các khoản vay cá nhân không có tài sản đảm bảo.

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Vay dài hạn (i)	335.875.561.290	364.696.259.671
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	4.654.657.513	5.662.729.661
	340.530.218.803	370.358.989.332
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	(10.142.480.362)	(14.763.711.109)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	330.387.738.441	355.595.278.223

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN.
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Bên liên quan					
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	VND	7%	2023	64.999.388.608	64.999.388.608
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (**)	USD	LIBOR + 0,7%	2036	131.562.202.658	130.393.830.448
Bên khác					
Vay từ ngân hàng 9(***)	USD	4,5% - 5,5%	2024	77.555.268.818	90.651.531.608
Vay từ ngân hàng 10 (***)	VND	11%	2023	41.201.823.197	53.950.138.307
Vay từ ngân hàng 11	USD	5,5% - 7,7%	2024	7.291.902.172	9.519.691.203
Vay từ ngân hàng 12	VND	9,5%	2026	3.814.975.837	5.731.679.497
Vay cá nhân (*)	VND	9,6%	2024	9.450.000.000	9.450.000.000
				335.875.561.290	364.696.259.671

(*) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(**) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ, cho vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”). Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 6 triệu USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 115.796 triệu VND (1/1/2022: 121.136 triệu VND).

(***) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình là toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc, với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 235.715 triệu VND (1/1/2022: 261.707 triệu VND).

Các khoản vay ngân hàng còn lại được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 40.317 triệu VND (1/1/2022: 42.765 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(ii) Các khoản nợ thuê tài chính**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/6/2022			1/1/2022		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong một năm	2.456.068.470	306.981.762	2.149.086.708	2.413.530.793	284.465.401	2.129.065.392
Trong hai đến năm năm	2.599.686.950	94.116.145	2.505.570.805	3.705.633.993	171.969.724	3.533.664.269
	5.055.755.420	401.097.907	4.654.657.513	6.119.164.786	456.435.125	5.662.729.661

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, trong nợ thuê tài chính có số nợ gốc bằng ngoại tệ xấp xỉ 131.071 USD (1/1/2022: 154.352 USD).

Khoản vay nợ thuê tài chính này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình thuê tài chính có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 6.096 triệu VND (1/1/2022: 7.384 triệu VND) (Thuyết minh 17).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.209.936.190	1.981.041.829
Trích lập trong kỳ	2.339.532.274	89.162.578
Sử dụng trong kỳ	(2.315.937.001)	(743.940.000)
Số dư cuối kỳ	1.233.531.463	1.326.264.407

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗi lũy kế VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	136.000.000.000	(12.175.488)	68.047.855.709	(11.359.713.615)	12.041.483.597	204.717.450.203
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	42.370.700.265	415.211.620	42.785.911.885
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(53.456.971)	(35.705.607)	(89.162.578)
Cổ tức phân bổ cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	(168.375.000)	(168.375.000)
Biến động khác	-	-	-	(1.072.980.918)	-	(1.072.980.918)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	136.000.000.000	(12.175.488)	68.047.855.709	29.884.548.761	12.252.614.610	246.172.843.592
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	136.000.000.000	(12.175.488)	68.047.855.709	70.169.960.203	12.995.403.982	287.201.044.406
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	57.057.056.116	485.693.213	57.542.749.329
Phân bổ vào các quỹ	-	-	28.223.557.002	(28.223.557.002)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.235.414.147)	(104.118.127)	(2.339.532.274)
Cổ tức (Thuyết minh 31)	-	-	-	(6.800.000.000)	(853.815.000)	(7.653.815.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	136.000.000.000	(12.175.488)	96.271.412.711	89.968.045.170	12.523.164.068	334.750.446.461

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2022 và 1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	13.600.000	136.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	30/6/2022 và 1/1/2022		
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	7.299.700	53,67	72.997.000.000
Bà Trung Thị Nga	719.000	5,29	7.190.000.000
Các cổ đông khác	5.581.300	41,04	55.813.000.000
	13.600.000	100,00	136.000.000.000

31. **Cổ tức**

Vào ngày 25 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2021 cho các cổ đông theo tỷ lệ 20% bao gồm 15% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu thường được nhận 3 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức) và 5% bằng tiền (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu thường được nhận 500 đồng).

Vào ngày 25 tháng 5 năm 2022, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt Nghị quyết về Phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu. Vào ngày 10 tháng 8 năm 2022, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt ngày chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức bằng tiền mặt và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức là ngày 25 tháng 8 năm 2022. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức chưa được hoàn tất. Do vậy, giao dịch chi trả cổ tức bằng cổ phiếu này chưa được Tổng Công ty phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

33. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Trong một năm	1.951.147.000	1.951.147.000
Từ hai đến năm năm	7.804.588.000	7.804.588.000
Sau năm năm	50.079.439.667	51.055.013.167
	<hr/>	<hr/>
	59.835.174.667	60.810.748.167
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	227.120	5.216.885.403	837.618	18.955.051.495
EUR	450	11.281.457	450	11.281.457
		<hr/>		<hr/>
		5.228.166.860		18.966.332.952
		<hr/>		<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	570.387.915.283	567.123.187.805
▪ Cung cấp dịch vụ	13.785.137.691	14.316.113.809
▪ Dịch vụ gia công	50.185.588.579	40.397.922.553
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	5.193.098.934	5.754.930.215
▪ Doanh thu khác	3.093.796.997	2.929.296.519
	<hr/>	<hr/>
	642.645.537.484	630.521.450.901
	<hr/>	<hr/>

35. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Hàng hóa và thành phẩm đã bán	490.588.424.375	493.112.078.250
Dịch vụ đã cung ứng	7.400.488.312	10.946.269.920
Dịch vụ gia công	46.407.388.980	43.490.396.055
Bất động sản đầu tư cho thuê	2.282.877.954	2.288.538.942
Giá vốn khác	2.606.526.410	2.663.469.261
	<hr/>	<hr/>
	549.285.706.031	552.500.752.428
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	310.055.312	563.979.960
Lãi do người mua chậm trả	1.211.575.965	2.504.391.931
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.350.386.785
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.825.753.691	5.843.005.679
	<hr/>	<hr/>
	12.347.384.968	10.261.764.355
	<hr/>	<hr/>

37. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	13.773.113.833	20.762.650.614
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.880.866.482	3.449.157.169
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.578.091.993	25.635.732
	<hr/>	<hr/>
	27.232.072.308	24.237.443.515
	<hr/>	<hr/>

38. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	3.010.182.362	1.931.522.051
Chi phí đại lý bán hàng	1.407.785.553	872.130.623
Chi phí xuất khẩu	4.023.895.465	3.322.960.312
Chi phí bán hàng khác	2.435.483.436	1.882.386.095
	<hr/>	<hr/>
	10.877.346.816	8.008.999.081
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên	1.450.630.113	5.588.141.982
Dự phòng phải thu khó đòi	(70.973.644)	1.292.785.897
Chi phí phân bổ trả trước	538.138.891	727.979.296
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.278.130.012	1.307.612.009
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.924.991.712	8.324.600.156
	<hr/>	<hr/>
	10.120.917.084	17.241.119.340
	<hr/>	<hr/>

40. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	422.688.467.414	350.040.455.672
Chi phí nhân công	76.755.823.409	79.297.005.900
Chi phí khấu hao và phân bổ	33.216.055.701	33.520.161.860
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.154.062.673	101.778.233.418
Chi phí khác	19.919.533.711	24.258.686.883
	<hr/>	<hr/>

41. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	10.060.624.795	6.779.548.726
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	63.348.032	(278.302.880)
	<hr/>	<hr/>
	10.123.972.827	6.501.245.846
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	67.666.722.156	49.287.157.731
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	13.533.344.431	9.857.431.546
Chi phí không được khấu trừ thuế	24.000.000	639.625
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trên lỗ tính thuế chưa ghi nhận	19.566.767	-
Lợi ích của chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế trong các năm trước được phép mang sang kỳ sau (*)	(1.211.623.488)	(1.180.313.271)
Ảnh hưởng của phần lãi được chia từ các công ty liên kết	(2.140.803.258)	(2.031.179.470)
Ảnh hưởng của các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	(100.511.625)	(145.332.584)
	10.123.972.827	6.501.245.846

(*) Chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế là số chi phí lãi vay trong kỳ vượt quá 30% tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) và chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ, do đó không được tính là chi phí khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết do Chính phủ ban hành ngày 5 tháng 11 năm 2020 (“Nghị định 132”). Theo Nghị định 132, các khoản chi phí lãi vay này được chuyển sang kỳ tính thuế sau và thời hạn được chuyển tiếp không quá 5 năm liên tục kể từ năm tiếp theo sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế của năm 2019 và 2020 lần lượt là 18.180 triệu VND và 18.245 triệu VND được mang sang tối đa đến năm 2024 và 2025.

Trong năm 2021 và trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tổng Công ty đã ghi nhận khoản lợi ích thuế lần lượt là 16.135 triệu VND và 6.058 triệu VND tương ứng từ chi phí lãi vay không được khấu trừ của các năm trước theo hướng dẫn của Nghị định 132. Theo đó, chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế của năm 2020 là 14.232 triệu VND được mang sang tối đa đến năm 2025.

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

42. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được dựa trên số lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 (Số cổ phiếu)	30/6/2021 (Số cổ phiếu) Đã điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	13.600.000	13.600.000
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2022 (Thuyết minh 31)	2.040.000	2.040.000
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	15.640.000	15.640.000

(b) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông của Công ty (VND)	57.057.056.116	42.370.700.265
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (Số cổ phiếu)	15.640.000	15.640.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.648	2.709

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 31) theo quy định tại mục 24 của Chuẩn mực kế toán số 30 – Lãi trên cổ phiếu như sau:

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	13.600.000	3.115
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu	2.040.000	(406)
Số điều chỉnh lại	15.640.000	2.709

43. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	29.250.000	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	20.000.000	11.000.000
Hoàn trả khoản vay	1.135.141.641	1.233.663.803
Lãi vay và phí nhập gốc vay	1.355.552.370	1.133.242.122
Chi phí lãi vay	2.256.280.143	2.256.280.143
Chia cổ tức bằng tiền	3.649.560.000	-
Các bên liên quan khác – Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	65.551.016.983	57.326.572.684
Mua hàng hóa	44.488.123.745	23.833.881.489
Lãi do người mua chậm trả	1.130.007.049	2.504.391.931
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	618.848.754	637.252.684
Khoản cho vay	-	1.900.000.000
Nhận hoàn trả khoản vay	1.500.000.000	2.500.000.000
Thu nhập lãi vay	75.645.833	201.685.796

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Công ty Cổ phần May 1 Dệt May Nam Định		
Cung cấp dịch vụ	239.509.557	1.534.225.470
Mua hàng hóa	2.253.000	-
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của Người quản lý chủ chốt		
Hội đồng Quản trị		
Ông Phạm Văn Tân – Chủ tịch	30.000.000	22.000.000
Ông Nguyễn Văn Miêng – Thành viên	18.000.000	14.000.000
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Thành viên	18.000.000	14.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thành viên	18.000.000	14.000.000
Bà Nguyễn Thị Khánh – Thành viên	18.000.000	14.000.000
Ông Phạm Xuân Trình – Thành viên	18.000.000	6.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bình – Thành viên	12.000.000	6.000.000
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Thành viên	6.000.000	-
Ban Giám đốc		
Ông Nguyễn Văn Miêng – Tổng Giám đốc	159.303.195	118.646.765
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Phó Tổng Giám đốc	6.980.000	13.755.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Phó Tổng Giám đốc	131.139.893	116.887.371
Bà Nguyễn Thị Khánh – Phó Tổng Giám đốc	6.980.000	13.287.000
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Phó Tổng Giám đốc	113.981.197	97.339.186
Bà Bùi Minh Hạnh – Giám đốc Điều hành	91.229.333	88.358.970
Ban Kiểm soát		
Bà Trần Thị Thu Hằng – Trưởng Ban Kiểm soát	18.000.000	6.000.000
Ông Đoàn Văn Dũng – Thành viên Ban Kiểm soát	-	6.000.000
Bà Đặng Thanh Huyền – Thành viên Ban Kiểm soát	12.000.000	8.000.000
Bà Đỗ Thị Thơ – Thành viên Ban Kiểm soát	-	4.000.000

44. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Lãi vay và phí nhập gốc vay	79.154.146	369.816.639

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

45. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Số liệu so sánh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

29-08-2022

Người lập:



Trần Phương Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thị Kim Oanh
Phụ trách kế toán



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc